

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4831 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu số 2,
thuộc Khu đô thị trung tâm - Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1699/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chung Đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2010 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu số 2, thuộc Khu đô thị trung tâm, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ, dự toán điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu số 2, thuộc Khu đô thị trung tâm - Khu kinh tế Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 6230/SXD-QH ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu số 2, thuộc Khu đô thị trung tâm - Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (kèm theo Tờ trình số 2400/TTr-BQLKKTNS&KCN ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu số 2, thuộc Khu đô thị trung tâm - Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch: Phường Trúc Lâm và một phần phường Xuân Lâm, thị xã Nghi Sơn. Ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc: giáp sông Lạch Bạng và đất nông nghiệp phường Xuân Lâm (giáp ranh giới phía Nam của Khu số 1);
- Phía Nam: giáp núi Khoa Trường;
- Phía Đông: giáp đường sắt (ranh giới phía Tây khu đô thị số 3);
- Phía Tây: giáp núi Lâm Động và núi Gò Chùa.

2. Quy mô lập quy hoạch

- Quy mô diện tích: 542,52 ha.
- Quy mô dân số: Dự báo khoảng 26.000 người, trong đó: Dân cư hiện hữu: 3.910 người; khách du lịch quy đổi: 1.000 người; dân cư phát triển: 21.090 người.

3. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính

3.1. Sử dụng đất

- Đất ở phát triển: 31,0 m²/người;

- Đất công cộng: 7,6 m²/người.
- Đất cây xanh: 9,0 m²/người.

3.2. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật

- Đất giao thông khu đô thị: 10,3 %;
- Nhu cầu cấp điện: 28.665,0 kW;
- Cấp nước: 125.000 m³/ng.đ.

4. Tính chất, chức năng

Là khu dân dụng thuộc Khu kinh tế Nghi Sơn với các chức năng chủ yếu: Các khu dân cư hiện trạng cải tạo, khu nhà ở sinh thái, nhà ở xã hội, các khu dân cư tái định cư, các khu ở đô thị theo tiêu chuẩn đô thị và khu du lịch sinh thái.

5. Quy hoạch sử dụng đất

TT	Tên lô đất	Diện tích (ha)	Mật độ XD (%)	Tầng cao	Hệ số SDD	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích lập quy hoạch	542,52				100
A	Đất dân dụng cấp đơn vị ở	245,22				45,2
I	Đất ở	146,17	-	-	-	26,9
1	Đất ở hiện trạng	80,84	-	-	-	14,9
2	Đất dân cư phát triển	65,33	-	-	-	12,0
2.1	Đất nhà ở xã hội (8.000 người)	18,32	35	15-18	6,3	3,4
2.2	Nhà ở chia lô (11.000 người)	33,06	80	2-5	4,0	6,1
2.3	Nhà ở sinh thái (1000 người)	10,49	40	1-3	1,2	1,9
2.4	Đất tái định cư (1.500 người)	3,46	80	2-5	4,0	0,6
II	Đất công cộng, TMDV đơn vị ở	19,66	-	-	-	3,6
1	Đất công trình công cộng	6,48	45	5-9	4,0	1,2
2	Đất dịch vụ thương mại	6,68	45	3-9	4,0	1,2
3	Đất y tế	1,06	40	1-3	1,2	0,2
4	Đất giáo dục	5,44	45	3-5	2,3	1,0
III	Đất cây xanh	23,32	10	1-2	0,2	4,3
1	Đất cây xanh thể dục thể thao	2,10	10	1-2	0,2	0,4
2	Đất cây xanh công viên	21,22	10	1	0,1	3,9
IV	Đất giao thông đối nội	56,07	-	-	-	10,3
1	Đất giao thông	52,90	-	-	-	9,8
2	Đất bãi đỗ xe	3,17	10	1	0,1	0,6
B	Đất khác	297,30	-	-	-	54,8
1	Đất công cộng, TMDV đô thị	8,91	45	3-9	4,0	1,6

TT	Tên lô đất	Diện tích (ha)	Mật độ XD (%)	Tầng cao	Hệ số SDD	Tỷ lệ (%)
2	Đất khu du lịch sinh thái	62,82	-	-	-	11,6
2.1	Đất du lịch	20,46	15	1-2	0,3	3,8
2.2	Đất cây xanh khu du lịch	18,96	10	1	0,1	3,5
2.3	Đất mặt nước (hồ Khe Sanh)	23,40	-	-	-	4,3
3	Đất giao thông đối ngoại (Đường sắt, đường Đông Tây 1, đường Nghi Sơn - Lam Sơn)	39,37	-	-	-	7,3
4	Đất cây xanh, thảm thực vật	23,91				4,4
5	Đất đồi núi, lâm nghiệp (Một phần diện tích được thống kê trong đất cây xanh, thảm thực vật)	135,17	-	-	-	24,9
6	Đất nghĩa địa	0,30	-	-	-	0,1
7	Mặt nước (không kể hồ Khe Sanh)	26,82	-	-	-	4,9

6. Phân khu chức năng

6.1. Khu ở

a) Khu ở hiện trạng cải tạo:

Chủ yếu 2 khu vực chính thuộc khu phố Đại Thủy (bám dọc trục Đông Tây 1) và khu phố Hữu Lộc (dưới chân núi Gò Chùa) sẽ được cải tạo, bổ sung xây dựng cơ sở hạ tầng đạt tiêu chuẩn đô thị, với tổng diện tích khoảng: 80,84 ha.

b) Khu nhà ở xã hội:

Với đối tượng chủ yếu là công nhân các khu công nghiệp sẽ ở theo dạng nén với diện tích TB 60 m²/hộ, tầng cao 15-18 tầng, mật độ xây dựng 35%, hệ số SDD 6,3 lần. Diện tích: 18,32 ha (Quy mô: 8.000 người).

c) Khu nhà ở sinh thái:

Tận dụng cảnh quan hồ Cây Trầu lựa chọn hình thức ở dạng sinh thái ven hồ (cao cấp) với đối tượng chính là các chuyên gia khu công nghiệp Khu kinh tế Nghi Sơn. Diện tích: 10,49 ha (Quy mô: 1.000 người).

d) Khu nhà ở chia lô:

Đáp ứng nhu cầu phát triển nhà ở đô thị, mô hình nhà ở chia lô liền kề là lựa chọn đáp ứng đa dạng nhất nhu cầu người dân đô thị. Diện tích: 33,06 ha (Quy mô: 11.000 người).

e) Khu nhà ở tái định cư:

Phục vụ tái định cư cho các dự án phát triển hạ tầng, các khu chức năng đô thị, và các dự án khác trong khu vực nói riêng và cho toàn thị xã Nghi Sơn nói chung. Diện tích 3,46 ha, đáp ứng cho khoảng 1.500 người. mật độ XD 80%, tầng cao 2-5 tầng, hệ số SDD 4,0 lần.

Tổng diện tích đất ở dân cư phát triển và tái định cư: 65,33 ha.

6.2. Đất công cộng, TMDV

- Công trình công cộng, TMDV đô thị: đất công cộng bố trí chủ yếu tại khu vực giáp với hồ Khe Sanh và đất TMDV bố trí tại nút giao đường Đông Tây 1 với đường Thọ Xuân - Nghi Sơn. Tổng diện tích: 8,91 ha (công cộng 3,69ha; TMDV 5,22 ha).

- Đất công cộng, TMDV đơn vị ở và khu đô thị: Bố trí chủ yếu khu vực trung tâm 2 đơn vị ở với các hạng mục công trình công cộng, TMDV cải tạo và xây dựng mới như: Trường học, y tế, nhà văn hóa, TDTT, dịch vụ thương mại và các công trình công cộng, TMDV khác của khu đô thị. Tổng diện tích: 19,66 ha (công cộng 12,98ha; TMDV 6,68 ha).

6.3. Đất công viên, cây xanh - TDTT

Sử dụng triệt để diện tích cây xanh, mặt nước hồ hiện có hình thành các khuôn viên cây xanh khu đô thị, kết hợp đầu tư các tuyến giao thông đường dạo tạo cảnh quan cho khu đô thị. Tổng diện tích: 23,32 ha trong đó:

- Cây xanh - TDTT: 2,1 ha
- Cây xanh công viên: 21,22 ha.

6.4. Khu du lịch sinh thái

Tận dụng địa hình cảnh quan khu vực hồ Khe Sanh khai thác du lịch sinh thái với các hình thức: du lịch trải nghiệm, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí và dịch vụ ăn uống, giải khát...vv (đáp ứng quy mô 1.000 người).

Diện tích các khu chức năng đất du lịch - dịch vụ: 20,46 ha; đất cây xanh sinh thái khu du lịch: 18,96 ha, mặt nước hồ Khe Sanh 23,4 ha.

6.5. Đất khác

a) Đất giao thông

- Giao thông đối nội: diện tích 56,07 ha
- Giao thông đối ngoại (đường sắt Bắc Nam, đường Đông Tây 1 và đường Thọ Xuân - Nghi Sơn): diện tích 39,37 ha.

b) Đất cây xanh, thảm thực vật:

Bao gồm đất cây xanh, thảm thực vật ven suối, hồ nước, vùng đệm và một phần diện tích đất lâm nghiệp theo quy hoạch 3 loại rừng...vv (không kể đất cây xanh khu du lịch hồ Khe Sanh), diện tích: 23,91 ha.

c) Đất đồi núi, lâm nghiệp:

Bao gồm các khu vực đồi núi, đất lâm nghiệp thuộc khu vực núi Gò Chùa, Khoa Trường, núi Lâm Động... tổng diện tích 135,17 ha.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.1. Quy hoạch giao thông

a) Giao thông đối ngoại:

- Tuyến đường Đông - Tây 1(MC 2-2): Kết nối đường Nghi Sơn - Bãi Trành và Ga đường sắt cao tốc với trung tâm của Khu kinh tế Nghi Sơn. Mặt cắt: Lòng đường chính: $10,50 \times 2 = 21,00$, Phân cách giữa: 3,00m, Hè đường: $6,00 \times 2 = 12,00$ m, Tổng lộ giới: 36,00m, Khoảng lùi xây dựng tối thiểu: 3,00m

- Tuyến đường CHK Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn: là tuyến đường kết nối CHK Thọ Xuân đến KKT Nghi Sơn và định hướng kết nối trực tiếp với cảng Nghi Sơn. Thiết kế với các mặt cắt như sau:

+ Mặt cắt 1-1: có đường gom hai bên (đoạn từ vị trí nút 01 đến nút 28). Lòng đường chính: $13,50 \text{m} \times 2 = 27,00$ m. Phân cách: $3,00 + (6,00 \times 2) = 15,00$ m. Hành lang an toàn đường bộ: $17,00 \times 2 = 34,0$ m. Hè đường hai bên: $9,50 \times 2 = 19,00$ m. Lòng đường hai bên gom: $7,50 \text{m} \times 2 = 15,00$ m. Tổng lộ giới: 76,00m. Khoảng lùi xây dựng tối thiểu: 3,00m.

+ Mặt cắt 1A-1A: có đường gom một bên (đoạn từ vị trí nút 28 đến nút 40). Lòng đường chính: $13,50 \text{m} \times 2 = 27,00$ m. Phân cách: $3,00 + (6,00 \times 2) = 15,00$ m. Hành lang an toàn đường bộ: $17,00 \times 2 = 34,0$. Hè đường : $9,50 + 17,0 = 26,50$ m. Lòng đường một bên gom: 7,50. Tổng lộ giới: 76,00m. Khoảng lùi xây dựng tối thiểu: 3,00m.

+ Mặt cắt 1B-1B: không có đường gom (đoạn từ vị trí nút 40 đến hết ranh giới). Lòng đường chính: $13,50 \text{m} \times 2 = 27,00$ m. Phân cách: 3,00. Hè đường một bên: 6,00m. Tổng lộ giới: 36,00m. Khoảng lùi xây dựng tối thiểu: 3,00m.

b) Giao thông đối nội:

Đường giao thông đối nội được chủ yếu thiết kế với các mặt cắt có quy mô lộ giới từ 17,50m đến 30,00m cụ thể như sau:

+ Tuyến đường đôi hướng Bắc Nam khu vực phía Bắc núi Gò Chùa được thiết kế với mặt cắt 3-3: Lòng đường: $7,50 \times 2 = 15,0\text{m}$, hè đường $6,0 \times 2 = 12\text{m}$, phân cách $3,0\text{m}$. Tổng lộ giới $22,50\text{m}$. Khoảng lùi xây dựng tối thiểu: $3,0\text{m}$.

+ Tuyến đường kết nối từ đường Đông Tây 1 đến đường CHK Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn (tuyến đường N08) đi qua khu sinh thái hồ Cây Trầu; tuyến đường vành đai khu vực phía Nam núi Gò Chùa kết nối từ đường CHK Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn qua khu vực sinh thái hồ Khe Sanh được thiết kế với mặt cắt 4-4: Lòng đường $5,25 \times 2 = 10,50\text{m}$, hè đường $6,0 \times 2 = 12,0\text{m}$. Tổng lộ giới $22,50\text{m}$. Khoảng lùi xây dựng tối thiểu: $3,0\text{m}$.

+ Còn lại một số tuyến đường liên kết nội khu được thiết kế với các mặt cắt sau:

Mặt cắt 5-5: Lòng đường: $5,25 \times 2 = 10,50\text{m}$. Hè đường: $5,0 \times 2 = 10,0\text{m}$. Tổng lộ giới: $20,50\text{m}$. Khoảng lùi xây dựng tối thiểu: $3,0\text{m}$

Mặt cắt 6-6: Lòng đường: $3,75 \times 2 = 7,50\text{m}$. Hè đường: $6,0 \times 2 = 12,0\text{m}$. Tổng lộ giới: $19,50\text{m}$. Khoảng lùi xây dựng tối thiểu: $3,0\text{m}$

Mặt cắt 7-7: Lòng đường: $3,75 \times 2 = 7,50\text{m}$. Hè đường: $5,0 \times 2 = 10,0\text{m}$. Tổng lộ giới: $17,50\text{m}$. Khoảng lùi xây dựng tối thiểu: $3,0\text{m}$

c) Hệ thống bến bãi đỗ xe

- Tại các khu vực trung tâm thương mại, khu du lịch, dịch vụ và nhà ở xã hội cần xây dựng bãi đỗ xe tập trung đảm bảo đáp ứng nhu khách trong nội khu.

- Các bãi đỗ xe tập trung của khu đô thị được bố trí kết hợp các khu cây xanh và công trình công cộng nhằm tiết kiệm đất xây dựng. Chỉ tiêu đất dành cho bãi đỗ xe công cộng $2,5\text{m}^2/\text{người}$. Diện tích bãi đỗ xe $3,17\text{ha}$.

7.2. Quy hoạch san nền

- Hướng dốc san nền thiết kế cụ thể như sau: Cao độ san nền thấp nhất là $3,20\text{m}$; Cao độ san nền cao nhất là $22,0\text{m}$; Độ dốc san nền $i = 0,005 - 0,01$.

- Đối với các khu vực tiếp giáp các hồ Khe Xanh, Khe Trầu và các khu vực sườn đồi cao: Chủ yếu san nền cục bộ tạo mặt bằng xây dựng, chên cao giữa các cấp nền hoặc các khu vực đào đắp cần có giải pháp gia cố mái dốc bằng tường chắn đá hộc hoặc tường chắn BTCT.

- Đối với các khu vực ruộng trũng, thấp: giải pháp chủ yếu là đắp nền. Đối với các khu vực ven các khe tụ thủy cần có giải pháp kè đá hoặc gia cố mái để tạo ổn định mái dốc.

7.3. Quy hoạch hệ thống thoát nước

a) Thoát nước mưa:

- Thiết kế độc lập hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải.
- Khu đô thị số 2 chia thành 2 lưu vực chính là lưu vực hồ Khe Trầu và lưu vực hồ Khe Sanh:

+ Lưu vực hồ Cây Trầu: Là khu vực phía Bắc khu đô thị, hướng thoát chính theo hướng Tây sang Đông, nước được thoát qua kênh cầu Tây để tiêu ra sông Lạch Bạng tại khu vực cầu đập tràn Đầm Sen và thoát ra sông Bạng tại khu vực Cầu Đồi.

+ Lưu vực hồ Khe Sanh: Là lưu vực phía Nam khu đô thị, hướng thoát chính theo hướng Tây sang Đông. Nước được tiêu thoát qua cống hiện trạng qua đường sắt, sau đó nước được thoát ra sông Bạng.

b) Thoát nước thải:

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế độc lập hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa. Lưu lượng ngày thải nước lớn nhất: 6.700 (m³/ngày.đêm). Toàn bộ nước thải khu đô thị số 2 được thoát và thu gom theo 2 khu vực và được bơm dẫn về trạm xử lý nước thải đặt ở khu Đô thị số 3. Bố trí 3 trạm bơm với tổng công suất 6.700 (m³/ngày.đêm).

- Các tuyến cống đặt dọc theo vỉa hè. Độ sâu chôn cống tối thiểu là 0,7 m, tối đa là 3,5m. Tại các vị trí độ sâu chôn ống quá lớn cần bố trí trạm bơm chuyển tiếp. Hệ thống cống thoát nước bản được thiết kế xây dựng là cống tròn BTCT đúc sẵn, tại các đường cống giao nhau và trên các đoạn cống có đặt giếng thăm, khoảng cách giữa các giếng thăm từ 25 – 35,0m.

7.4. Quy hoạch cấp điện

- Nguồn điện cao thế cấp cho phân khu số 2 dự kiến lấy từ lộ xuất tuyến 22kV của Trạm biến áp 110kV/22kV Tỉnh Gia 2 phía Bắc khu đô thị. Tổng nhu cầu sử dụng điện: 28.665,0 kW

- Điểm đầu điện trung thế cho các TBA trong phân khu số 2 được đầu vào lộ xuất tuyến 22kV của trạm biến áp 110kV/22kV Tỉnh Gia 2. Xây dựng tuyến cáp này đi dọc các tuyến đường nội bộ của khu vực trong hào kỹ thuật đến các TBA. Cải dịch 1 đoạn tuyến điện 35kv đi cắt ngang qua khu vực xây dựng mới, tuyến điện cải dịch đi trên hệ tuyến đường N7. Sử dụng trạm biến áp có gam công suất từ: 400kVA - 750kVA.

- Các tuyến cáp ngầm hạ thế 0,4kV đều được xuất tuyến từ các TBA 22/0.4kV trong khu đất và được chôn ngầm trong đất đi dưới vỉa hè để dẫn đến các tủ điện tổng cấp điện cho các lô đất. Vị trí các tuyến cáp đi không gây ảnh hưởng đến các hạng mục hạ tầng khác trong khu đô thị và thuận tiện cho việc quản lý vận hành. Bán kính cung cấp cho các phụ tải có khoảng cách $\leq 500\text{m}$. Tổn thất điện áp cuối nguồn $\leq 5\%$.

7.5. Quy hoạch cấp nước

- Dự báo nhu cầu dùng nước lớn nhất trong ngày: 7.420 (m³/ngđ); Nhu cầu dùng nước lớn nhất trong giờ: 309 m³/h (147,6l/s).

- Nguồn cấp nước: Từ hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nghi Sơn, trực tiếp từ nhà máy nước Hồ Hao Hao công suất giai đoạn hoàn thiện là: 125.000 m³/ng.đ (tuân thủ điều chỉnh mở rộng Quy hoạch chung xây dựng KTT Nghi Sơn đã được phê duyệt năm 2018).

- Mạng lưới cấp nước là mạng vòng cho các tuyến ống chính cấp 2 (ống truyền tải) từ mạng chính được đấu kết hợp mạng cụt, để cấp nước trực tiếp từ mạng phân phối (cấp 2). Trên mạng lưới tuyến ống chính (cấp 2) phải đặt các trụ cứu hỏa để phục vụ cho chữa cháy khi cần thiết. Mạng ống cấp nước phân phối tới công trình là mạng nhánh cụt.

7.6. Chất thải rắn, vệ sinh môi trường

a) Chất thải rắn: Được thu gom vào các thùng rác công cộng đặt dọc theo các tuyến đường giao thông hoặc trong các khu vực công cộng. Xe chuyên dụng sẽ thu gom và vận chuyển đến trạm trung chuyển rác thải. Rác thải sau khi được tập kết sẽ được chuyển đi xử lý tập trung tại Khu xử lý chất thải rắn Trường Lâm.

b) Nghĩa trang: Đóng cửa các nghĩa địa hiện có trong khu vực và dần từng bước di chuyển đưa vào khu nghĩa trang tập trung khu kinh tế Nghi Sơn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp:

- Tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện.

- Tổ chức bàn giao hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu số 2, thuộc Khu đô thị trung tâm - Khu kinh tế Nghi Sơn cho Sở Xây dựng, địa phương, làm cơ sở để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

2. UBND thị xã Nghi Sơn:

- Phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị ranh giới quy hoạch, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ ...) quản lý theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện việc cập nhật nhu cầu sử dụng đất của quy hoạch nêu trên vào Quy hoạch sử dụng đất thị xã Nghi Sơn giai đoạn 2021-2030 trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt làm căn cứ thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa; Chủ tịch UBND thị xã Nghi Sơn và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

H32(2020)QDPD QHPK Khu so 2 Nghi Sơn

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm